

Bản án số: 279/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2022.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị An.

Bà Hoàng PH Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/1975.

Hộ khẩu thường trú: Số 68, xóm 3, thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số nhà 203, Tổ 20, thị trấn Đông A, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Ngô Xuân P, sinh ngày 08/02/1974.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 68, xóm 3, thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Ngô Trúc A, sinh ngày 07/8/2002 (con bà H, ông P).

Hộ khẩu thường trú: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Trúc A là bà Đoàn Thị Thanh H, sinh ngày 27/7/1975.

Nơi ở: Số nhà 203, Tổ 20, thị trấn Đông A, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Thị Thanh H là ông Vũ Khắc Huy- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đại Hải Thủy – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà H, ông P, luật sư Huy.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 17/9/2021 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P đăng ký kết hôn ngày 05/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân N, Đông A, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống tại xóm 3, thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Bà và ông P chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung của vợ chồng bà không còn hòa thuận, không hạnh phúc. Bà và ông P đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Khi ly thân bà chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ 20, thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn ông P.

- Về con chung: Bà và ông P sinh được 03 con chung là: Ngô Trúc A, sinh ngày 07/8/2002; Ngô Yên N, sinh ngày 05/11/2007 và Ngô Xuân Quý, sinh ngày 15/10/2017. Hiện cả 03 con chung đang sống cùng bà tại tổ 20, thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Xuân Quý, để ông P trực tiếp nuôi con chung Ngô Yên N. Cháu Trúc A hiện đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con bà và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay bà đang làm công nhân tại Công ty TNHH Tenma - Khu công nghiệp Nội Bài, thu nhập bình quân khoảng 12 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích 160,2m² tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 442609 ngày 17/10/2014 mang tên ông Ngô Xuân P và bà Đoàn Thị Thanh H. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông P tặng cho chung vợ chồng bà.

+ Căn nhà 02 tầng trên thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích mỗi sàn khoảng 80 m² do hai vợ chồng bà xây dựng năm 2009. Các con của bà không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của hai vợ chồng vì còn nhỏ.

Ly hôn, bà đề nghị chia đôi khối tài sản chung nêu trên, mỗi người hưởng ½. Do ngôi nhà trên đất vợ chồng bà xây dựng nhà ông giữ đất nên việc chia bằng hiện vật khó có tính khả thi vì ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà. Bà đề nghị cụ thể như sau:

- Nếu ông P sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà, đất thì ông P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

- Nếu bà sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà, đất thì bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông P giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

- Trong trường hợp ông P nhất trí thì bà và ông P tự nguyện sang tên toàn bộ tài sản trên cho ba con chung. Mẹ con bà tự lo được chỗ ở khác, do vậy việc hưởng tài sản bằng tiền hay hiện vật đều được.

Về nợ chung: không có.

*** Bị đơn, ông Ngô Xuân P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn ông nhất trí như bà H đã trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không phù hợp nhau. Hai gia đình đã hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng ông nhưng không có kết quả. Nay bà H xin ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà H sinh được 03 con chung là: Ngô Trúc A, sinh ngày 07/8/2002; Ngô Yến N, sinh ngày 05/11/2007 và Ngô Xuân Quý, sinh ngày 15/10/2017. Ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Yến N, để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Xuân Quý. Cháu Trúc A hiện đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay ông đang làm công nhân tại Công ty TNHH Tenma - Khu công nghiệp Nội Bài, thu nhập bình quân khoảng 12 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích 160,2m² tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 442609 ngày 17/10/2014 mang tên ông Ngô Xuân P và bà Đoàn Thị Thanh H. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông P tặng cho chung vợ chồng bà.

+ Căn nhà 02 tầng trên thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích mỗi sàn khoảng 80 m² do hai vợ chồng bà xây dựng năm 2009. Các con của bà không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của hai vợ chồng vì còn nhỏ.

Ly hôn, ông không nhất trí việc yêu cầu chia tài sản của bà H với lý do nhà, đất để ở chứ không chia cho các bên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: không có.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Ngô Trúc A trình bày:**

Toàn bộ nhà, đất liên quan đến thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích 160,2m² tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội thuộc tài sản chung của bố, mẹ chị. Chị không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập khối tài sản trên, chị không có quyền lợi gì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được xin ly hôn, nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và xin hưởng bằng tiền, để ông P sử dụng, sở hữu toàn bộ nhà đất.

- Bị đơn đồng ý ly hôn và thỏa thuận được việc nuôi con. Ông P không đồng ý chia tài sản mà có quan điểm để sau này sẽ cho các con.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Thanh H và ông Ngô Xuân P.

+ Về con: Công nhận sự thỏa thuận của bà H, ông P: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Xuân Quý, sinh ngày 15/10/2017. Ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Yến N, sinh ngày 05/11/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đề nghị chia đôi nhà đất, bà H hưởng ½ bằng tiền.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Thanh H và ông Ngô Xuân P.

+ Về con chung: Công nhận thỏa thuận của các bên, bà H trực tiếp nuôi con chung Ngô Xuân Quý, sinh ngày 15/10/2017. Ông P trực tiếp nuôi con chung là cháu Ngô Yến N, sinh ngày 05/11/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung; Chia đôi tài sản, giao cho bà H hưởng ½ bằng tiền.

+ Nợ chung: Không có.

Vụ án thuộc trường hợp án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về nội dung:

{1.1} Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thanh H kết hôn với ông Ngô Xuân P ngày 05/11/2001 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sinh sống tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến đầu năm 2019 thì vợ chồng ông, bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai ông bà đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của ông, bà là hoàn toàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận là phù pháp luật.

{1.2} Về con chung: Bà H và ông P sinh được 03 con chung là Ngô Trúc A, sinh ngày 07/8/2002; Ngô Yến N, sinh ngày 05/11/2007 và Ngô Xuân Quý, sinh

ngày 15/10/2017. Cháu Ngô Trúc A đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng sau ly hôn.

Ly hôn hai bên thỏa thuận để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Xuân Quý, ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Yến N. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

{1.3} Về tài sản chung:

Bà H và ông P thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích 160,2 m² tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/10/2014 mang tên ông Ngô Xuân P và bà Đoàn Thị Thanh H. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông P tặng cho hai vợ chồng. Trị giá đất theo kết quả định giá là 55.000.000 đồng/m² = 8.811.000.000 đồng.

- Căn nhà 02 tầng trên đất làm năm 2009 trị giá 828.631.000 đồng.

- Sân gạch đỏ trị giá 5.943.000 đồng.

- Tường bao và rào inox trị giá 9.382.000 đồng.

- 02 trụ cổng trị giá 714.000 đồng.

- Cánh cổng trị giá 3.975.000 đồng.

- 01 cây Bưởi trị giá 70.000 đồng.

- 01 cây Na trị giá 50.000 đồng.

- 01 cây Chay trị giá 50.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung là: 9.659.815.000 đồng.

Ly hôn, bà H đề nghị chia đôi khối tài sản chung nêu trên, mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản. Bà xác định do ngôi nhà trên đất vợ chồng bà xây dựng nhà ông giữ đất nên việc chia bằng hiện vật khó có tính khả thi vì ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà nên bà đề nghị cụ thể như sau:

Nếu ông P sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà, đất thì ông P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

Nếu bà sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà, đất thì bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông P giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

Mẹ con bà có thể tự lo được chỗ ở khác do vậy việc hưởng tài sản bằng tiền hay hiện vật đều được.

Ông P không nhất trí việc yêu cầu chia tài sản của bà H với lý do nhà, đất để ở chứ không chia cho các bên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Các bên đều thống nhất về nguồn gốc hình thành tài sản chung là thửa đất do bố mẹ ông P tặng cho, còn toàn bộ tài sản trên đất là do hai vợ chồng xây dựng. Do vậy, cần chia cho ông P phần nhiều hơn, cụ thể chia cho ông P được hưởng 5.000.000.000 đồng và giao cho ông P có quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà, đất. Ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền 4.659.815.000 đồng.

{2} Về nợ chung: Bà H, ông P đều xác định không có nợ chung.

{3} Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

{4} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 33, 38, 55, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Thanh H và ông Ngô Xuân P.

2. Về con chung: Bà H và ông P sinh được 03 con chung là Ngô Trúc A, sinh ngày 07/8/2002; Ngô Yến N, sinh ngày 05/11/2007 và Ngô Xuân Quý, sinh ngày 15/10/2017.

Chị Ngô Trúc A đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Công nhận sự thỏa thuận của bà H, ông P: Bà Đoàn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Xuân Quý, sinh ngày 15/10/2017. Ông Ngô Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Yến N, sinh ngày 05/11/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi con chung của ông, bà thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Bà Đoàn Thị Thanh H và ông Ngô Xuân P đều có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung gồm có:

- Quyền sử dụng thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích 160,2 m² tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/10/2014 mang tên ông Ngô Xuân P và bà Đoàn Thị Thanh H. Trị giá đất theo kết quả định giá là 55.000.000 đồng/m² = 8.811.000.000 đồng.

- Căn nhà 02 tầng trên đất làm năm 2009 trị giá 828.631.000 đồng.

- Sân gạch đỏ trị giá 5.943.000 đồng.

- Tường bao và rào inox trị giá 9.382.000 đồng.

- 02 trụ cổng trị giá 714.000 đồng.

- Cánh cổng trị giá 3.975.000 đồng.

- 01 cây Bưởi trị giá 70.000 đồng.

- 01 cây Na trị giá 50.000 đồng.

- 01 cây Chay trị giá 50.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung là: 9.659.815.000 đồng (Chín tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).

3.1. Chia cho bà Đoàn Thị Thanh H được hưởng 4.659.815.000 đồng. Chia cho ông Ngô Xuân P được hưởng 5.000.000.000 đồng.

3.2. Giao cụ thể như sau:

- Giao cho ông Ngô Xuân P có quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 23(2), tờ bản đồ số 84, diện tích 160,2 m² tại thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện Đông A, thành phố Hà Nội và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông A, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BV 442609, số vào sổ cấp GCN: 2906.QĐ UBND.2014; CH.00147.2014 ngày 17/10/2014 mang tên ông Ngô Xuân P và bà Đoàn Thị Thanh H. Tổng trị giá tài sản là 9.659.815.000 đồng.

- Ông Ngô Xuân P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đoàn Thị Thanh H số tiền 4.659.815.000 đồng (Bốn tỉ, sáu trăm năm mươi chín triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).

- Bà Đoàn Thị Thanh H có nghĩa vụ giao cho ông Ngô Xuân P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BV 442609, số vào sổ cấp GCN: 2906.QĐ UBND.2014; CH.00147.2014 ngày 17/10/2014 mang tên ông Ngô Xuân P và bà Đoàn Thị Thanh H.

Ông Ngô Xuân P có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Thanh H và ông Ngô Xuân P đều xác định không có nợ chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 112.660.000 đồng tiền án phí chia tài sản. Tổng cộng tiền án phí là 112.960.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 9.050.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2020/0045599 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A. Bà Đoàn Thị Thanh H còn phải nộp tiếp số tiền 103.610.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Ông Ngô Xuân P

phải chịu 113.000.000 đồng tiền án phí chia tài sản để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Đông A.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Xuân N.
- (GCN kết hôn số: 41 ngày 05/11/2001).
- Chi cục THADS huyện Đông A.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân